

Xây dựng mô hình du lịch tâm linh từ vốn xã hội tôn giáo: Trường hợp Phật giáo Hòa Hảo tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

Đặng Hoàng Lan^{a*}, Đoàn Lê Minh Khởi^b

Tóm tắt:

Phật giáo Hòa Hảo (PGHH) là một tôn giáo nội sinh có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống của người dân tại Đồng bằng sông Cửu Long. Với vị thế là vùng đất khởi nguyên của PGHH, huyện Phú Tân (An Giang)¹ đã hình thành những dòng hành hương quy mô lớn, tạo tiền đề quan trọng cho việc xây dựng loại hình du lịch tâm linh. Vận dụng khung lý thuyết vốn xã hội của Robert Putnam và Michael Woolcock, bài viết nhận diện nguồn lực vốn xã hội tôn giáo phong phú của cộng đồng tín đồ PGHH. Thông qua phương pháp phân tích và quan sát tham dự, nghiên cứu chỉ ra rằng mặc dù nguồn vốn xã hội co cụm (bonding) nội bộ rất mạnh mẽ, nhưng sự thiếu hụt trong vốn xã hội vươn ra (bridging) với các chủ thể bên ngoài và vốn xã hội liên kết (linking) với các thiết chế chính sách là nguyên nhân khiến du lịch tâm linh tại địa phương vẫn chưa chính thức hình thành. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất lộ trình chuyển hóa các nguồn lực này nhằm xây dựng mô hình du lịch tâm linh dựa vào cộng đồng. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần hình thành một ngành kinh tế di sản bền vững tại Phú Tân mà còn cung cấp khung phân tích lý thuyết nhằm phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển địa phương.

Từ khóa: *vốn xã hội tôn giáo, du lịch tâm linh, Phật giáo Hòa Hảo, Phú Tân*

^a Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh. e-mail: danghoanglan0708@hcmussh.edu.vn

^b Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh. e-mail: doanleminhkhoyi@hcmussh.edu.vn

* Tác giả chịu trách nhiệm chính.

¹ Địa danh Phú Tân trong bài viết này được giới hạn trước khi Nghị quyết 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025 ngày 16/6/2025 có hiệu lực. Sau khi Nghị quyết 1687/ NQ-UBTVQH15 có hiệu lực, huyện Phú Tân được sắp xếp thành các đơn vị hành chính cấp xã gồm các xã Phú Tân, xã Phú An, xã Bình Thạnh Đông, xã Chợ Vàm, xã Hòa Lạc và xã Phú Lâm thuộc tỉnh An Giang.

Building a Spiritual Tourism Model from Religious Social Capital: The Case of Hoa Hao Buddhism in Phu Tan District, An Giang Province.

Dang Hoang Lan^{a*}, Doan Le Minh Khoi^b

Abstract:

Hoa Hao Buddhism is an indigenous religious tradition that has exerted a profound influence on the social, cultural, and economic life of the Mekong Delta region. As the birthplace of Hoa Hao Buddhism, Phu Tan District (An Giang Province) has witnessed the emergence of large-scale pilgrimage flows, providing a crucial foundation for the development of spiritual tourism. Drawing on the social capital framework developed by Robert Putnam and further elaborated by Michael Woolcock, this article identifies the rich reservoir of religious social capital embedded within the Hoa Hao Buddhist community. Through analytical methods and participant observation, the study demonstrates that although bonding social capital within the community is particularly strong, deficiencies in bridging social capital linking the community to external actors, as well as in linking social capital connecting it to policy and governance institutions, have hindered the formal emergence of spiritual tourism at the local level. On this basis, the article proposes a pathway for transforming these religious social capital resources in order to construct a community-based spiritual tourism model. The findings not only contribute to the formation of a sustainable heritage-based economy in Phu Tan but also offer a theoretical analytical framework for mobilizing religious resources in local development processes.

Keywords: *religious social capital, spiritual tourism, Hoa Hao Buddhism, Phu Tan District*

Received: 16.3.2026. **Accepted:** 15.6.2026. **Published:** 30.6.2026

DOI: 10.59907/daujs.5.3.2026.582

^a University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City; 10-12 Dinh Tien Hoang Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.e-mail: danghoanglan0708@hcmussh.edu.vn

^b University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City; 10-12 Dinh Tien Hoang Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City.e-mail: doanleminhkhoid@hcmussh.edu.vn

* *Corresponding author.*

Đặt vấn đề

Trong xu thế phát triển du lịch toàn cầu, du lịch tâm linh (spiritual tourism) ngày nay không chỉ đáp ứng nhu cầu trải nghiệm tinh thần của du khách mà còn trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững của các địa phương. Tại Việt Nam, du lịch tâm linh không nên chỉ là sự khai thác các tài nguyên di sản tôn giáo đa dạng, mà cần một quá trình huy động các nguồn lực cộng đồng để kiến tạo những giá trị trải nghiệm sâu sắc và phát triển bền vững. Thách thức lớn đang đặt ra cho nhiều địa phương hiện nay là làm thế nào để chuyển hóa được những nguồn lực “ẩn” trong các cộng đồng tôn giáo thành một ngành kinh tế du lịch có tổ chức, chuyên nghiệp, đồng thời vẫn bảo tồn được tính thiêng cốt lõi.

Phật giáo Hòa Hảo (PGHH) là một tôn giáo nội sinh đặc thù của vùng đất Nam Bộ với một hệ thống giáo lý nhập thế mạnh mẽ. Huyện Phú Tân (An Giang) với tư cách là vùng đất khai đạo, hằng năm thu hút hàng trăm nghìn lượt tín đồ hành hương vào những dịp lễ quan trọng như: Đại lễ Khai đạo (18/5 Âm lịch), Đại lễ đản sinh Đức Huỳnh Giáo chủ (25/11 âm lịch) và Đại lễ Kỷ niệm ngày Đức Huỳnh Giáo chủ vắng mặt (25/2 âm lịch). Các hoạt động này diễn ra định kỳ, mang tính tự quản cao và chưa chính thức hình thành một mô hình du lịch tâm linh bài bản. Khoảng trống đáng kể hiện nay tại Phú Tân chính là tiềm năng du lịch tâm linh dồi dào nhưng thiếu hụt các sản phẩm và mô hình du lịch tâm linh được quy hoạch và định hướng.

Trong giai đoạn 2015-2025, bối cảnh du lịch tâm linh tại Phú Tân đã trải qua những chuyển biến đáng kể. Về phía chính sách, Nghị quyết 19/2018/NQ-HĐND về Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch tỉnh An Giang (Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, 2018) đã đặt nền tảng cơ sở pháp lý cho việc hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, trong đó, Phú Tân được xác định là một trong những địa bàn trọng điểm cần đầu tư cơ sở lưu trú đạt chuẩn. Về phía cộng đồng tín đồ, quy mô hành hương về Tổ đình và An Hòa Tự ngày càng mở rộng, với hàng trăm nghìn đến hàng triệu lượt tín đồ tham dự vào các dịp lễ lớn. Tuy nhiên, đây vẫn là các hoạt động mang tính tự phát, chưa được định hướng trong khuôn khổ một sản phẩm du lịch tâm linh có tổ chức. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa và sự phổ biến của mạng xã hội trong cộng đồng tín đồ đã bắt đầu tạo ra các kênh truyền thông phi chính thức về hành hương PGHH, vừa mở ra cơ hội thu hút một lượng lớn du khách tâm linh mới, vừa đặt ra thách thức trong việc bảo tồn tính thiêng trong không gian số. Chính sự vận động đó đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc cần có một khung phân tích khoa học để nhận diện và định hướng chuyển hóa các nguồn lực vốn xã hội tôn giáo thành mô hình du lịch tâm linh bền vững.

Bài viết tiếp cận quan điểm về vốn xã hội tôn giáo (religious social capital), phân tích các nguồn vốn xã hội của PGHH theo quan điểm của Putnam và Michael Woolcock nhằm xây dựng mô hình du lịch tâm linh bền vững. Bài viết tập trung luận giải sự hình thành

du lịch tâm linh tại Phú Tân phụ thuộc mật thiết vào khả năng chuyển hóa từ nguồn vốn xã hội co cụm nội bộ mạnh mẽ sang việc thiết lập các mạng lưới vốn xã hội vươn ra với du khách và doanh nghiệp lữ hành, đồng thời tận dụng hiệu quả vốn xã hội liên kết với các thiết chế quản lý nhà nước.

Nghiên cứu này sẽ nhận diện các thành tố của vốn xã hội tôn giáo PGHH tại Phú Tân và phân tích cơ chế vận hành của chúng. Từ đó, tác giả đề xuất lộ trình chiến lược nhằm kích hoạt nguồn lực này hình thành và phát triển mô hình du lịch tâm linh bền vững. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần kiến tạo một ngành kinh tế di sản tại địa phương mà còn cung cấp những luận cứ khoa học về việc phát huy nguồn lực tôn giáo trong quản trị và phát triển xã hội hiện nay.

Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận

Vốn xã hội (Social Capital)

Vốn xã hội được L. J. Hanifan nhắc đến lần đầu tiên vào năm 1916 trong đó, vốn xã hội được hiểu là những thực thể hữu hình có giá trị nhất đối với cuộc sống hàng ngày của con người: cụ thể là thiện chí, sự tương trợ, sự đồng cảm và sự giao lưu xã hội giữa một nhóm cá nhân và gia đình tạo nên một đơn vị xã hội (Hanifan, 1916). Sau L. J. Hanifan, Jane Jacobs là người tiếp theo đưa thuật ngữ vốn xã hội trở lại trong những năm 1960, nhưng dưới góc độ quy hoạch đô thị và sự gắn kết của khu dân cư (Jacobs, 1961/1992).

Pierre Bourdieu là học giả chính thức đưa khái niệm vốn xã hội trở thành một khái niệm khoa học. Ông nhận định vốn xã hội là tổng thể các nguồn lực thực tế hoặc tiềm năng gắn liền với việc sở hữu một mạng lưới bền vững các mối quan hệ quen biết và sự thừa nhận lẫn nhau, ít nhiều đã được thể chế hóa (Bourdieu, 1986). Theo Pierre Bourdieu, vốn xã hội không đơn thuần là sự tương tác thiện chí mà là một nguồn lực quyền lực gắn liền với lợi ích thiết thực, cho phép các thành viên trong một mạng lưới bền vững (như gia đình, dòng họ hoặc tầng lớp thượng lưu) tiếp cận các giá trị kinh tế và văn hóa. Loại vốn này có tính chuyển đổi linh hoạt khi các mối quan hệ có thể biến thành lợi ích vật chất và ngược lại, thông qua việc đầu tư tài chính vào các kết nối chiến lược. Tuy nhiên, để duy trì lợi thế cạnh tranh và sự khác biệt trong cấu trúc xã hội, vốn xã hội đòi hỏi quá trình tích lũy và đầu tư liên tục về thời gian và công sức, thay vì tồn tại như một thuộc tính vĩnh cửu (Bourdieu, 1986).

Khác với cách tiếp cận tập trung vào lợi ích cá nhân của Pierre Bourdieu, Robert Putnam đã mở rộng khái niệm vốn xã hội lên cấp độ cộng đồng và hệ thống chính trị (Putnam, 2000; Putnam et al., 1994). Theo Putnam, vốn xã hội không chỉ là tài sản cá nhân

mà còn là một loại “hàng hóa công cộng”, đóng vai trò là chất xúc tác cho sự vận hành hiệu quả của nền dân chủ và sự phát triển kinh tế. Putnam định nghĩa vốn xã hội là những đặc điểm của tổ chức xã hội, chẳng hạn như mạng lưới, các chuẩn mực và lòng tin xã hội, giúp thúc đẩy sự phối hợp và hợp tác vì lợi ích chung (Putnam et al., 1994). Cấu trúc của vốn xã hội theo Putnam (1994) được hình thành từ “chiếc kiềng ba chân” bao gồm:

- Mạng lưới (networks), là các mối liên kết chính thức hoặc phi chính thức giữa các cá nhân thông qua các tổ chức dân sự, hiệp hội tự nguyện hoặc các nhóm tạo ra các kênh trao đổi thông tin và hỗ trợ. Đây là hạ tầng cơ sở để các tương tác xã hội diễn ra.

- Lòng tin (trust), là niềm tin rằng người khác trong mạng lưới sẽ hành động một cách đáng tin cậy và hợp tác, ngay cả khi họ không phải là người thân thiết.

- Chuẩn mực (norms), là những quy tắc bất thành văn, tạo ra sự kỳ vọng rằng một hành động giúp đỡ ở hiện tại sẽ được đáp lại trong tương lai, từ đó giảm thiểu chi phí giao dịch và thúc đẩy hợp tác tự nguyện.

Một đóng góp lý thuyết quan trọng của Putnam (2000) là việc phân biệt hai loại hình vốn xã hội dựa trên bản chất của các mối liên kết:

- Vốn xã hội co cụm (bonding social capital) mang tính chất “hướng nội”, được hình thành giữa những cá nhân có các đặc điểm tương đồng (về sắc tộc, gia đình, tôn giáo). Loại vốn này như một loại “siêu keo” giúp củng cố bản sắc nhóm và cung cấp sự hỗ trợ nội bộ mạnh mẽ, giúp các cá nhân “trụ vững” trong những hoàn cảnh khó khăn.

- Vốn xã hội vươn ra (bridging social capital): mang tính chất “hướng ngoại”, kết nối các cá nhân thuộc các nhóm xã hội khác nhau (về nghề nghiệp, địa vị, sắc tộc). Đây được coi là “chất bôi trơn” cho sự hòa hợp xã hội, giúp các cá nhân tiếp cận với các nguồn lực mới, thông tin mới và cơ hội để “vươn lên”.

Kế thừa các giá trị cốt lõi từ Robert Putnam, Woolcock đã đưa khái niệm vốn xã hội vào bối cảnh phát triển kinh tế và quản trị đa tầng bậc (Woolcock, 1998, 2001). Đóng góp lớn nhất của Woolcock là việc tinh chỉnh các loại hình vốn xã hội để giải thích cách thức các cộng đồng, đặc biệt là các nhóm yếu thế, trong tương tác với cấu trúc quyền lực và thể chế nhà nước. Nếu Putnam tập trung vào các mối quan hệ ngang hàng, thì Woolcock đã bổ sung một chiều kích quan trọng: vốn xã hội liên kết. Woolcock nhận thấy rằng nếu chỉ có Bonding và Bridging, chúng ta sẽ thiếu đi một lăng kính để giải thích cách một cộng đồng yếu thế tiếp cận các nguồn lực chính thống hoặc chính sách nhà nước. Vốn xã hội liên kết (linking social capital) là các mối quan hệ theo chiều dọc kết nối các cá nhân hoặc cộng đồng với những người ở vị thế quyền lực cao hơn hoặc với các thể chế chính thức (như ngân hàng, chính quyền, cơ quan pháp luật) (Woolcock, 2001).

Như vậy, sự phát triển của lý thuyết vốn xã hội từ Hanifan, Bourdieu đến Putnam và Woolcock đã cung cấp một bộ công cụ phân tích đa chiều cho nghiên cứu này. Trong đó,

hệ thống ba chiều kích của Woolcock được xác định là khung phân tích chủ đạo để giải mã thực trạng và xây dựng lộ trình hình thành du lịch tâm linh tại huyện Phú Tân.

Vốn xã hội tôn giáo (religious social capital)

Kế thừa các khung lý thuyết của Putnam, các nhà xã hội học tôn giáo đã làm sâu sắc thêm khái niệm về vốn xã hội tôn giáo (religious social capital). Đây được hiểu là tổng thể các nguồn lực (lòng tin, chuẩn mực, mạng lưới) được tạo ra thông qua các hoạt động tương tác trong môi trường tôn giáo.

Stark và Finke cho rằng vốn xã hội tôn giáo là những kỹ năng và kinh nghiệm được tích lũy trong quá trình thực hành tôn giáo. Họ lập luận rằng khi các cá nhân tham gia sâu hơn vào một tổ chức tôn giáo, họ đầu tư vào các mối quan hệ xã hội cụ thể. Sự gắn kết củng cố niềm tin và sự trung thành của tín đồ thông qua các phần thưởng xã hội và tinh thần (Stark & Finke, 2000).

Trong nghiên cứu của mình, Irwin và các cộng sự (2008) đã phân tích vai trò của các tổ chức tôn giáo trong việc tạo ra các loại hình vốn xã hội khác nhau cho cộng đồng. Họ chỉ ra rằng các thiết chế tôn giáo không chỉ tạo ra vốn xã hội co cụm (bonding) mạnh mẽ giữa các tín đồ cùng đức tin mà còn có khả năng tạo ra vốn xã hội vươn ra (bridging) thông qua các hoạt động từ thiện và các dịch vụ xã hội (Irwin et al., 2008). Nghiên cứu của Irwin đặc biệt nhấn mạnh rằng các tổ chức tôn giáo địa phương đóng vai trò như “trung tâm thu hút” các nguồn lực, giúp liên kết những người dân có nền tảng khác nhau nhưng cùng chia sẻ những giá trị đạo đức chung, từ đó thúc đẩy sự gắn kết xã hội tại các khu dân cư.

Tuy nhiên, vốn xã hội tôn giáo cũng có mặt trái không thể bỏ qua. Khi vốn xã hội co cụm trở nên quá mạnh mà thiếu đi sự kết nối với bên ngoài, nó có thể dẫn đến sự khép kín, độc quyền, và thậm chí tạo ra khoảng cách hoặc xung đột với các nhóm xã hội khác.

Đối với PGHH tại huyện Phú Tân, vốn xã hội tôn giáo thể hiện rõ nét qua tinh thần “Tứ đại trọng ân” và mạng lưới từ thiện xã hội dày đặc. Dưới góc độ hình thành du lịch tâm linh, nguồn vốn này chính là “tài nguyên nhân văn” cốt lõi. Thách thức đặt ra là phải làm thế nào để chuyển hóa sự khép kín của vốn gắn kết truyền thống sang tính cởi mở của vốn bắc cầu, nhằm kết nối cộng đồng tín đồ với du khách và các đơn vị lữ hành. Đây chính là chìa khóa để biến các thực hành tôn giáo thuần túy thành các sản phẩm du lịch tâm linh có tổ chức.

Du lịch tâm linh (spiritual tourism)

Trong nghiên cứu đương đại, du lịch tâm linh (spiritual tourism) được nhìn nhận đa chiều từ quy mô thị trường đến những trải nghiệm nội tâm sâu sắc của cá nhân. Theo UNWTO (2014), đây là loại hình đóng vai trò then chốt trong dòng chảy du lịch toàn cầu với hàng trăm triệu lượt khách tham quan các địa danh tôn giáo mỗi năm (UNWTO, 2014). Haq và Medhekar (2019) hay Heintzman (2013) tập trung luận giải du lịch tâm linh như

một động lực cho sự phát triển tâm lý nội tại, sự siêu việt và hạnh phúc tinh thần của du khách (Haq & Medhekar, 2019; Heintzman, 2013).

Đặc biệt, mô hình gồm 07 nội dung về du lịch tâm linh của Halim và cộng sự đã làm rõ các thành tố giúp du khách tiếp cận với các nguồn lực tâm linh (spiritual resources) (Halim et al., 2021). Tuy nhiên, dưới góc độ quản trị phát triển địa phương và tiếp cận nguồn vốn xã hội, du lịch tâm linh không chỉ dừng lại ở những trải nghiệm cảm xúc của khách du lịch mà còn là một tiến trình kinh tế - xã hội. Trong đó, các cộng đồng tôn giáo nội sinh đóng vai trò là chủ thể, sử dụng mạng lưới và lòng tin (vốn xã hội) để cung ứng các không gian, chuẩn mực và dịch vụ cho du khách.

Tác giả Smith (1992) phát biểu rằng du lịch và hành hương là một dãy trải dài từ hành hương thuần túy đến du lịch thuần túy. Trong dãy này, du lịch tâm linh đặt ở vị trí trung gian, phân biệt lần lượt giữa người hành hương nhiều hơn là khách du lịch, người vừa là hành hương vừa là khách du lịch, hoặc người là khách du lịch nhiều hơn là hành hương, tùy thuộc vào việc đức tin hay yếu tố thế tục chiếm ưu thế trong động cơ và hoạt động của họ. Phổ rộng này phản ánh sự đa dạng và thay đổi liên tục của các động cơ của du khách, với sở thích và hoạt động có thể dao động giữa hành hương và du lịch, và ngược lại (Smith, 1992).

Bài viết này nhìn nhận du lịch tâm linh tại Phú Tân như một trạng thái chuyển đổi. Trong đó, các nguồn lực vốn xã hội tôn giáo “tĩnh” trong hoạt động hành hương thuần túy cần được “kích hoạt” và chuyển hóa để hình thành nên mô hình du lịch tâm linh có tổ chức. Như vậy, du lịch tâm linh trong hoàn cảnh này được hiểu là sự khai thác các giá trị và mạng lưới tôn giáo thành các tài nguyên du lịch có khả năng kết nối và chia sẻ lợi ích giữa cộng đồng tín đồ với du khách và các thiết chế xã hội khác.

Nghiên cứu này thiết lập một khung phân tích đa chiều, trong đó vốn xã hội tôn giáo của cộng đồng PGHH tại Phú Tân được xem là nguồn lực cốt lõi (input). Thông qua ba “động cơ” chuyển hóa theo mô hình của Michael Woolcock, bao gồm: vốn xã hội co cụm (tạo sự đồng thuận nội bộ); vốn xã hội vươn ra (mở rộng kết nối thị trường) và vốn xã hội liên kết (tranh thủ hỗ trợ chính sách), các giá trị văn hóa, tôn giáo tĩnh sẽ được khai thác thành các tài nguyên du lịch động. Điểm đích của quy trình này là sự hình thành du lịch tâm linh (output), nơi các giá trị đạo đức tôn giáo và lợi ích kinh tế cộng đồng được phát triển bền vững.

Nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào việc nhận diện các nguồn lực và xây dựng khung mô hình lý thuyết nhằm hình thành du lịch tâm linh dựa trên vốn xã hội tôn giáo. Do giới hạn về phạm vi và thời gian, bài viết chưa đi sâu vào việc đánh giá thực chứng các tác động kinh tế - xã hội cụ thể sau khi mô hình được vận hành, cũng như chưa đưa ra các tiên liệu mang tính định lượng về sự phát triển bền vững trong dài hạn. Đây sẽ là những

hướng mở quan trọng cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm hoàn thiện lộ trình quản trị và giám sát, bảo đảm sự hài hòa giữa hoạt động khai thác du lịch và việc bảo tồn tính thiêng của PGHH tại địa phương.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp quan sát tham dự dài hạn (participant observation) làm phương pháp thu thập dữ liệu chủ đạo, kết hợp với phân tích tài liệu thứ cấp. Phương pháp phân tích (analytical method) tập trung phân tích khung lý thuyết vốn xã hội của Robert Putnam và Michael Woolcock, cũng như phân tích cấu trúc mạng lưới, lòng tin và chuẩn mực của cộng đồng PGHH. Đồng thời, nhóm tác giả thực hiện phân tích các văn bản chính sách, như Nghị quyết 19/2018/NQ-HĐND của tỉnh An Giang ngày 19/07/2018 về việc Ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch tỉnh An Giang, nhằm xác định khả năng kết nối giữa cộng đồng với các thiết chế chính sách (vốn xã hội liên kết).

Phương pháp quan sát tham dự trong nghiên cứu này được thiết kế theo ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1, chuẩn bị và xác định địa bàn nghiên cứu từ 2014-2015. Trước khi tiến hành quan sát chính thức, nhóm tác giả thực hiện các bước chuẩn bị gồm: rà soát tài liệu thứ cấp về lịch sử PGHH, cấu trúc tổ chức Giáo hội và đặc điểm địa bàn huyện Phú Tân nhằm định hình cơ bản về PGHH trước khi tiếp cận thực địa; xây dựng khung quan sát định hướng dựa trên ba thành tố của vốn xã hội theo Putnam (2000) để giới hạn phạm vi ghi nhận mà không áp đặt kết quả; thực hiện các chuyến khảo sát thăm dò tại địa bàn nhằm thiết lập quan hệ ban đầu với cộng đồng và xác định các vị trí quan sát phù hợp trong không gian Tổ đình và An Hòa Tự. Giai đoạn chuẩn bị này đảm bảo nguyên tắc tác giả không bước vào thực địa với giả thuyết cứng nhắc mà với một khung định hướng linh hoạt, có thể điều chỉnh theo thực tế quan sát.

- Giai đoạn 2, thu thập dữ liệu từ 2015-2025. Quan sát chính thức được thực hiện định kỳ tại ba thời điểm đại lễ hàng năm: Đại lễ Khai đạo (18/5 Âm lịch), Đại lễ Đản sinh Đức Huỳnh Giáo chủ (25/11 Âm lịch) và Đại lễ Kỷ niệm ngày Đức Huỳnh Giáo chủ vắng mặt (25/2 Âm lịch), ngoại trừ giai đoạn 2020-2022 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Mỗi đợt quan sát kéo dài từ hai đến bốn ngày, bao gồm cả thời điểm trước, trong và sau chính lễ, nhằm ghi nhận toàn bộ vòng vận hành của mạng lưới xã hội. Trong mỗi đợt, tác giả tuân thủ các nguyên tắc gồm luân phiên quan sát tại các điểm khác nhau trong không gian lễ hội để tránh thiên lệch vị trí; ghi nhận ở các khung giờ khác nhau trong ngày để phản ánh sự biến thiên cường độ tương tác; quan sát và tham gia vào các sinh hoạt tại buổi lễ; toàn bộ quan sát được ghi chép thành nhật ký thực địa ngay sau mỗi lần quan sát, không để qua ngày hôm sau, nhằm giảm thiểu sai lệch hồi ức. Tác giả tham gia vào không gian sinh hoạt cộng đồng (tham dự các buổi lễ, lưu trú tại địa phương, dùng bữa tại các bếp ăn từ thiện)

nhưng không đảm nhận vai trò tổ chức hoặc điều hành trong cộng đồng tín đồ. Việc không đảm nhận vai trò tổ chức hay điều hành là lựa chọn có chủ đích nhằm cân bằng giữa việc thâm nhập cộng đồng và tính trung lập trong quan sát tham dự. Nhóm tác giả nhận thức rõ nguy cơ hòa nhập văn hóa trong quá trình quan sát dài hạn nên bắt buộc duy trì nhật ký phản tư song song với nhật ký thực địa để ghi lại các trạng thái chủ quan của bản thân qua từng đợt quan sát. Tính đầy đủ của dữ liệu được đảm bảo thông qua việc báo hòa thông tin sau nhiều đợt quan sát định kỳ.

- Giai đoạn 3, phân tích và kiểm chứng dữ liệu. Sau mỗi đợt quan sát, dữ liệu được xử lý qua các bước chuẩn hóa, phân loại tư liệu, mã hóa, kiểm soát độ tin cậy.

Dữ liệu quan sát tham dự bao gồm các mô tả về hành vi, tương tác xã hội, không gian nghi lễ và các biểu hiện cụ thể của mạng lưới, lòng tin và chuẩn mực trong cộng đồng. Đây là loại dữ liệu phù hợp với mục tiêu nhận diện và phân tích cơ chế vận hành của vốn xã hội tôn giáo. Dữ liệu bán cấu trúc được tập trung vào ba nội dung trọng tâm gồm sự vận hành của mạng lưới chức sắc và tín đồ; các chuẩn mực ứng xử trong không gian thiêng; hành vi tương tác giữa người hành hương, cộng đồng địa phương và khách vãng lai.

Dữ liệu quan sát tham dự được phân tích và xử lý qua bốn bước. Bước 1, chuẩn hóa và phân loại gồm hai nhóm là miêu tả ghi lại các sự kiện, hành vi, tương tác và không gian quan sát được một cách trung tính, không diễn giải và nhóm phản tư ghi lại các diễn giải tạm thời, phản ứng cảm xúc và câu hỏi nảy sinh của tác giả trong quá trình quan sát. Việc tách hai nhóm nhằm tạo ra ranh giới rõ ràng giữa dữ liệu thô và diễn giải nhằm kiểm soát tính khách quan của dữ liệu, hạn chế tính chủ quan của tác giả. Toàn bộ dữ liệu sau đó được tổ chức theo trục thời gian và trục không gian. Bước 2, mã hóa dữ liệu với các bước đọc dữ liệu, đánh dấu và đưa ra các nhóm chủ đề tương ứng. Bước 3, kiểm soát độ tin cậy dữ liệu được thực hiện qua sự đối chiếu kết quả dữ liệu lẫn nhau giữa nhóm tác giả. Các trường hợp bất đồng được giải quyết qua thảo luận cho đến khi đạt đồng thuận. Bước 4, kiểm chứng kết quả được qua việc đối chiếu với các tài liệu thứ cấp như văn bản chính sách, tài liệu học thuật về PGHH; quan sát phi chính thức nhằm cung cấp thêm các thông tin mà quan sát chính thức có thể bỏ sót và đối chiếu dữ liệu thời gian để xác định tính ổn định hay biến động của dữ liệu.

Phương pháp quan sát tham dự dựa vào nhận thức của người quan sát. Do đó, dữ liệu quan sát tham dự không tránh khỏi yếu tố diễn giải chủ quan của tác giả. Tính chủ quan này được kiểm soát qua việc ghi chép nhật ký thực địa ngay sau mỗi đợt quan sát để giảm thiểu sai lệch hồi ức; đối chiếu chéo giữa hai tác giả trong quá trình quan sát nhằm tăng độ tin cậy; và qua đối chiếu với dữ liệu thứ cấp từ văn bản chính sách và tài liệu học thuật. Những biện pháp này nhằm đảm bảo sự đáng tin cậy trong việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính của bài viết.

Sự lựa chọn quan sát tham dự dài hạn trong nghiên cứu này không mang tính tùy tiện mà xuất phát từ yêu cầu phương pháp luận có tính bắt buộc. Thứ nhất, vốn xã hội tôn giáo được biểu hiện chủ yếu qua hành vi thực hành, cử chỉ nghi lễ và tương tác phi chính thức trong không gian thiêng, chứ không tồn tại dưới dạng phát biểu có thể đo lường bằng bảng hỏi hay phỏng vấn cấu trúc. Thứ hai, vốn xã hội của cộng đồng PGHH tại Phú Tân biểu hiện ở cường độ đầy đủ nhất vào ba thời điểm đại lễ và không thể tạo dựng hoặc hồi cố một cách trực tiếp nếu như không dùng phương pháp quan sát tham dự. Thứ ba, thiết kế quan sát định kỳ từ năm 2015 đến 2025 tích lũy dữ liệu theo chiều kích lịch đại kéo dài gần 10 năm để có thể phát hiện các biến động cấu trúc trong vốn xã hội qua từng giai đoạn bối cảnh. Thứ tư, cộng đồng PGHH có tính dè dặt cao trước các tác nhân bên ngoài khiến sự hiện diện lâu dài và không can thiệp của tác giả với tư cách người tham dự trở thành điều kiện tiên quyết trong thu thập dữ liệu.

Nghiên cứu này không theo đuổi tính đại diện thống kê theo nghĩa xác suất mà hướng đến khả năng suy rộng phân tích. Địa bàn duy nhất trên cả nước có trên 95% dân số là tín đồ PGHH (Hà, 2026), là vùng đất khai đạo với mật độ vốn xã hội tôn giáo co cụm cao có thể quan sát được. Đây là cơ sở để lựa chọn trường hợp: nếu khung phân tích bonding-bridging-linking của Woolcock có thể giải thích được cơ chế vận hành và giới hạn của vốn xã hội tôn giáo tại đây, thì tính ứng dụng phân tích của khung này đối với các cộng đồng tôn giáo nội sinh có cấu trúc tương đồng tại Việt Nam sẽ được củng cố.

Nguồn vốn xã hội tôn giáo Phật giáo Hòa Hảo tại huyện Phú Tân

Để hình thành mô hình du lịch tâm linh tại huyện Phú Tân, việc nhận diện các nguồn lực thông qua lăng kính vốn xã hội tôn giáo là bước đi tiên quyết. Vận dụng lăng kính lý thuyết về vốn xã hội, nghiên cứu nhận diện nguồn lực tại huyện Phú Tân không chỉ dừng lại ở các tài nguyên vật thể mà quan trọng hơn là sự hiện diện của một nguồn vốn xã hội tôn giáo to lớn. Nguồn vốn này được cấu thành từ hệ thống mạng lưới, niềm tin và các chuẩn mực đạo đức đặc thù của cộng đồng.

Mạng lưới (network)

Mạng lưới xã hội của PGHH tại Phú Tân thể hiện tính đa tầng và độ phủ rộng, đóng vai trò là khung sườn cho mọi hoạt động tương tác cộng đồng. Tính đến tháng 5/2022, toàn tỉnh An Giang có 01 Ban Đại diện PGHH, 136 Ban Trị sự cấp cơ sở với trên 1.000 chức việc (Tiến, 2022). Ở tất cả các xã, phường, tỉnh An Giang (An Giang cũ) đều có tín đồ PGHH (Nguyễn, 2022) riêng huyện Phú Tân có hơn 95% dân số là tín đồ PGHH (Hà, 2026). Với số lượng tín đồ lớn, Phú Tân không chỉ là đơn vị hành chính mà còn là một “không gian tôn giáo”. Đây là cấu trúc quản trị xã hội phi chính thức cực kỳ hiệu quả, cho phép huy động nguồn lực cộng đồng trong thời gian ngắn.

Tổ đình PGHH và An Hòa Tự đóng vai trò là tâm điểm của mạng lưới. Tổ đình PGHH tọa lạc tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, nay là xã Phú Tân, tỉnh An Giang. Tiền thân ngôi tổ đình là ngôi nhà của ông bà thân sinh Đức Huỳnh Giáo chủ và cũng là nơi ngài khai sáng đạo. Khuôn viên tổ đình có ao sen, vườn cây xanh mát và lưu giữ nhiều hình ảnh về cuộc đời của Đức Huỳnh Giáo chủ.

An Hòa Tự là trung tâm hành hương, là không gian linh thiêng, nơi hướng về của tín đồ PGHH trên cả nước. An Hòa Tự xây dựng theo lối kiến trúc truyền thống, kết cấu xen lẫn bê tông cốt sắt và danh mộc, đa phần là gỗ thào lao, tường vôi, nền gạch bông, lợp ngói. Chánh điện An Hòa Tự có ba lớp mái dạng điệp ốc, trên cao có đặt bốn chữ *Phật Giáo Hòa Hảo*, lớp thứ hai có chữ *AN HÒA TỰ*. Hàng năm vào Đại lễ Khai đạo (18/5 âm lịch), Đại lễ Đản sinh Đức Huỳnh Giáo chủ (25/11 âm lịch) và Đại lễ Kỷ niệm ngày Đức Huỳnh Giáo chủ vắng mặt (25/2 âm lịch), hàng triệu lượt tín đồ từ các nơi về đây dâng hương, chiêm bái và tỏ lòng kính ngưỡng. Tổ đình PGHH và An Hòa Tự chính là trái tim của đạo, là trung tâm của những cuộc hành hương, mang tính kết nối tín đồ trên cả nước.

Tổ đình PGHH và An Hòa Tự không chỉ là di sản vật thể mà còn là nơi tái sản xuất các mối quan hệ xã hội. Sự duy trì các chuyến hành hương này của PGHH chính là duy trì tính thiêng, tính cố kết cộng đồng tín đồ, củng cố niềm tin nội tại của tín đồ, tạo nên tính lan tỏa và dấu ấn trong xã hội, tác động đến các mạng lưới xã hội ngoài tôn giáo.

Mạng lưới xã hội tại đây vận hành dựa trên sự tương tác giữa chức sắc (trụ cột định hướng), tín đồ (lực lượng thực hành) và cộng đồng địa phương. Sự tham gia đa dạng này tạo nên một hệ sinh thái xã hội - kinh tế phức hợp, nơi các mối quan hệ gắn kết nội bộ có thể dễ dàng chuyển hóa thành các đơn vị cung ứng dịch vụ khi có sự tác động của các tác nhân kinh tế.

- Chức sắc tôn giáo: đóng vai trò là trụ cột tinh thần, có nhiệm vụ tổ chức, định hướng phát triển đạo, giáo dưỡng tín đồ và là cầu nối quan trọng với chính quyền địa phương. Uy tín và sự dẫn dắt của họ giúp củng cố niềm tin và định hướng cho các hoạt động cộng đồng.

- Cộng đồng tín đồ: là lực lượng đông đảo nhất, trực tiếp thực hành các nghi lễ, duy trì truyền thống hành hương hàng năm và hiện thực hóa các giá trị đạo đức qua hành động cụ thể.

- Cộng đồng địa phương: bao gồm cả tín đồ và những người không phải tín đồ sinh sống tại Phú Tân, tham gia trực tiếp vào các hoạt động hỗ trợ du khách và người hành hương (cung cấp dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận chuyển miễn phí hoặc có thu phí). Động cơ của họ có thể xuất phát từ niềm tin tôn giáo (mong muốn phụng sự, tích công đức) hoặc từ lợi ích kinh tế. Sự tham gia đa dạng này tạo nên một hệ sinh thái xã hội - kinh tế phức hợp và năng động xung quanh các sự kiện tôn giáo.

Chuẩn mực (norms)

Hệ thống chuẩn mực của PGHH tại Phú Tân được xem là “bộ quy tắc vận hành” giúp điều tiết hành vi cộng đồng theo hướng tích cực. Nền tảng của vốn xã hội trong cộng đồng Phật giáo Hòa Hảo (PGHH) bắt nguồn sâu sắc từ tư tưởng cốt lõi “Học Phật, tu Nhân”. Giáo lý này đặt trọng tâm vào việc tu dưỡng đạo lý làm người ngay trong đời sống thường nhật trước khi hướng đến giác ngộ, khiến tôn giáo vừa thiêng liêng vừa gần gũi, đặc biệt là với cộng đồng nông thôn Nam Bộ. Thay vì các nghi lễ phức tạp, PGHH chủ trương đơn giản hóa việc thờ tự, hướng tín đồ vào sự tu dưỡng nội tâm và phụng sự cộng đồng. Từ đó, những giá trị đạo đức được đề cao như lòng hiếu thảo, sự trung thực, lòng từ bi và tinh thần tương thân tương ái không chỉ là lời khuyên mà đã trở thành chuẩn mực xã hội, là cơ sở cho sự tin cậy lẫn nhau. Tín đồ được khuyến khích lao động cần cù, sống hòa hợp và tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, tự nguyện phụng sự cộng đồng. Chính hệ giá trị đạo đức thực tiễn, gắn liền với cuộc sống này đã tạo nên một “chất keo” xã hội vô hình, kết dính các cá nhân thành một cộng đồng đoàn kết, có khả năng tự tổ chức cao. Những giá trị này đã trở thành chuẩn mực xã hội phổ quát tại địa phương. Điều này tạo nên một môi trường văn hóa lành mạnh, nơi các hành vi trục lợi hay thương mại hóa quá mức bị kiểm soát bởi dư luận cộng đồng và đức tin cá nhân.

Lòng tin (trust)

Lòng tin là thành tố quan trọng nhất giúp giảm thiểu chi phí giao dịch và tạo dựng uy tín cho điểm đến. Niềm tin của tín đồ và hệ thống giáo lý tạo ra sợi dây liên kết vô hình nhưng bền chặt. Lòng tin này giúp cộng đồng có sự đồng thuận cao, cho phép triển khai các hoạt động quy mô lớn một cách trật tự mà không cần các thiết chế cưỡng chế phức tạp. Sự chân thành và lòng hiếu khách của người dân địa phương (xuất phát từ mong muốn tích công đức) tạo nên một môi trường an toàn và tin cậy cho khách thập phương. Sự tin cậy, một thành tố cốt lõi của vốn xã hội chính là yếu tố nhận diện thương hiệu độc đáo, thu hút phân khúc du khách tâm linh tìm kiếm giá trị an lạc và sự chân thành thực thụ.

Những cuộc hành hương của tín đồ PGHH về Phú Tân là một ví dụ điển hình cho hành trình đi từ không gian “tục” của đời sống thường nhật đến trung tâm “thiên” là Tổ đình. Chính trong cuộc hành trình và tại không gian linh thiêng đó, sự đoàn kết, tương trợ, tự quản và bình đẳng được bộc lộ một cách mạnh mẽ, tạo nên một cảm thức cộng đồng (communitas) sâu sắc. Đây là biểu hiện rõ nét của một nguồn vốn xã hội khổng lồ, được tích lũy và kích hoạt dựa trên nền tảng đức tin chung. Từ đó, thách thức trọng tâm trong việc khai thác giá trị văn hóa tôn giáo để phát triển du lịch tâm linh chính là việc điều hướng sự giao thoa phức tạp giữa “hành hương”, với bản chất là trải nghiệm tâm linh cộng đồng, và “du lịch” với các yếu tố dịch vụ và thương mại.

Bên cạnh nguồn vốn xã hội, việc hình thành du lịch tâm linh tại Phú Tân còn có các yếu tố hỗ trợ nhưng không kém phần quan trọng, đó là chính sách quản lý, và cơ sở vật chất

kỹ thuật phục vụ du lịch. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch, huyện Phú Tân hiện có 36 cơ sở kinh doanh lưu trú. Theo Nghị quyết 19/2018/NQ-HĐND, ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh An Giang (sửa đổi ngày 8/12/2020) về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh An Giang, Phú Tân sẽ tiếp tục được đầu tư các cơ sở lưu trú đạt chuẩn 3 sao với mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/ dự án (Mỹ, 2025).

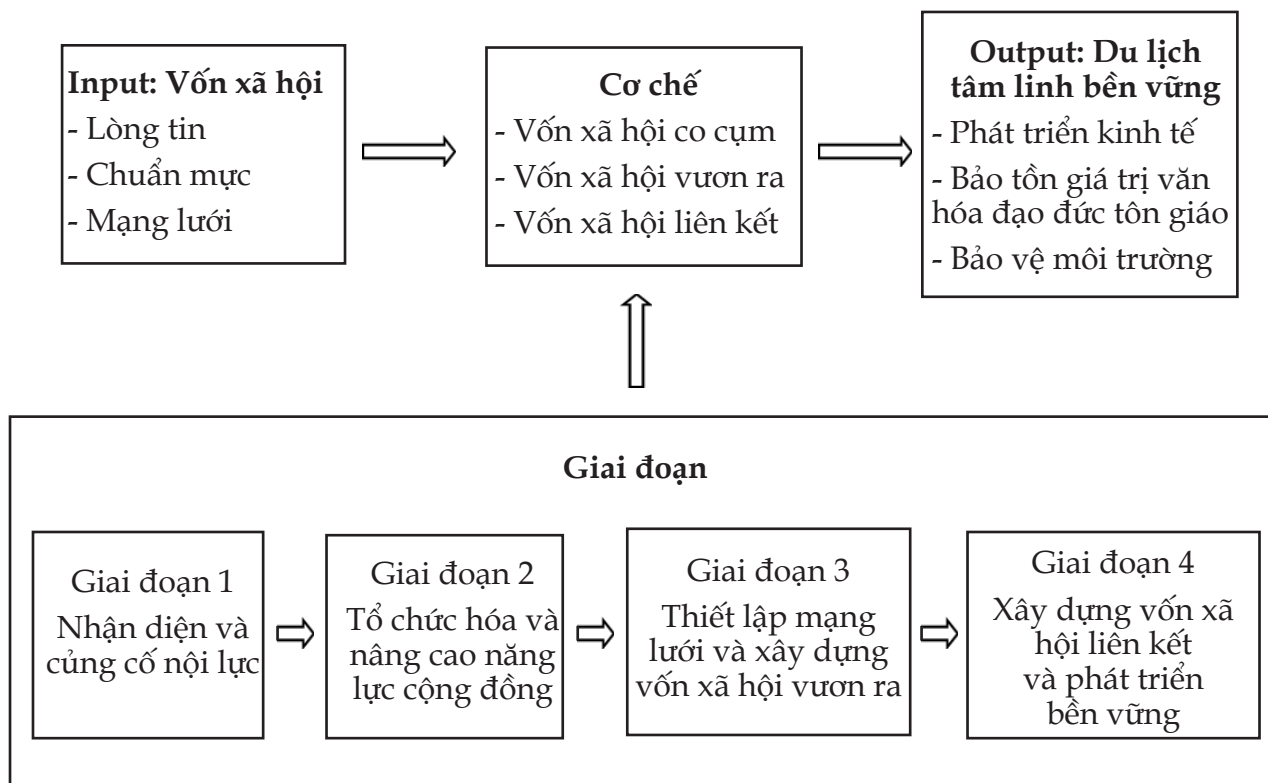
Như vậy, nguồn vốn xã hội tôn giáo dồi dào của PGHH chính là tài nguyên quý giá để phát triển du lịch tâm linh tại Phú Tân, vượt lên trên loại hình du lịch tham quan cơ sở thờ tự đơn thuần để hướng đến du lịch trải nghiệm văn hóa - tinh thần sâu sắc.

Bên cạnh vai trò củng cố đoàn kết cộng đồng, vốn xã hội co cụm cũng tạo ra những rào cản nhất định đối với quá trình xây dựng mô hình du lịch tâm linh. Tính “hướng nội” của loại vốn này, có thể làm gia tăng khoảng cách với các tác nhân bên ngoài và gây tâm lý dè dặt trước sự tham gia của chủ thể kinh tế, do lo ngại thương mại hóa không gian tôn giáo. Khi các chuẩn mực tự quản trở nên khép kín, việc hình thành các mạng lưới vươn ra với doanh nghiệp lữ hành và du khách sẽ khó khăn hơn. Vì vậy, thách thức cốt lõi không nằm ở việc loại bỏ vốn xã hội co cụm, mà ở khả năng dung hòa để cộng đồng vừa bảo tồn tính thiêng, vừa thích ứng với các giá trị mới từ du lịch.

Việc tỉnh An Giang đẩy mạnh thực thi các chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng giao thông và khuyến khích các cơ sở lưu trú đạt chuẩn theo các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đã tạo ra một lực đẩy mới. Bối cảnh này tạo cơ hội tối ưu để cộng đồng hình thành vốn xã hội liên kết với các thiết chế quản lý và hoạch định chính sách. Chính sự chuyển dịch bối cảnh đầy biến động trong hơn một thập kỷ qua là minh chứng thực tế cho thấy: việc duy trì đơn lẻ nguồn vốn xã hội co cụm dù mạnh mẽ đến đâu cũng chỉ dừng lại ở việc giúp cộng đồng tự quản trụ vững trong các mùa lễ hội, chứ chưa thể giúp địa phương “vươn lên” thành một ngành kinh tế di sản bền vững. Thực trạng này đặt ra tính cấp thiết phải thiết lập một mô hình chiến lược nhằm chuyển hóa nguồn vốn tôn giáo tỉnh này thành tài nguyên du lịch động.

Xây dựng mô hình du lịch tâm linh từ vốn xã hội tôn giáo Phật giáo Hòa Hảo tại huyện Phú Tân

Dựa trên vốn xã hội tôn giáo và hiện trạng hành hương thường niên của tín đồ PGHH, chúng tôi đề xuất mô hình khai thác vốn xã hội tôn giáo PGHH tại huyện Phú Tân vào phát triển du lịch tâm linh. Mô hình này được xây dựng theo một lộ trình 4 giai đoạn, từ việc củng cố nội lực đến việc thiết lập các mạng lưới kết nối đa tầng. Nguyên tắc cốt lõi trong mô hình là tôn trọng, bảo tồn và phát huy nguồn vốn xã hội nội tại của cộng đồng, đồng thời từng bước xây dựng cầu nối bền vững với các yếu tố bên ngoài. Quá trình này về bản chất là một sự chuyển dịch chiến lược từ việc củng cố vốn xã hội co cụm sang xây dựng vốn xã hội vươn ra và hướng đến vốn xã hội liên kết.



Hình 1. Mô hình phát triển du lịch tâm linh từ vốn xã hội

Nguồn: Tác giả, 2025

Giai đoạn 1: Nhận diện và củng cố nội lực

Giai đoạn đầu tiên và cũng là nền tảng của mô hình là nhận diện và củng cố nội lực hay nói cách khác là xác định và ổn định vốn xã hội co cụm trong cộng đồng. Giai đoạn này nhằm mục tiêu phân tích và lập “bản đồ” nguồn lực vốn xã hội hiện có của cộng đồng PGHH tại Phú Tân. Để thực hiện, cần tiến hành các nghiên cứu thực địa sơ đồ hóa mạng lưới, đánh giá mức độ tin cậy nội bộ và các chuẩn mực đạo đức đang chi phối hành vi cộng đồng. Thứ nhất là đánh giá mức độ sự tin cậy giữa các tín đồ với nhau và với chức sắc. Thứ hai là các chuẩn mực bất thành văn về sự tương trợ, lòng hiếu khách, tinh thần phụng sự và đạo đức “Học Phật, tu Nhân” đang chi phối hành vi của cộng đồng. Thứ ba là hệ thống mạng lưới xã hội, trong đó cần sơ đồ hóa các liên kết chính thức (Ban trị sự, tổ từ thiện) và phi chính thức (quan hệ gia đình, làng xóm). Đặc biệt, nghiên cứu cần làm rõ vai trò của An Hòa Tự như một trung tâm thiêng liêng, là mấu chốt quan trọng để duy trì và vận hành mạng lưới xã hội này.

Trọng tâm của giai đoạn này là đánh giá sức mạnh của vốn xã hội co cụm nội tại, phân tích xem nó giúp cộng đồng tự tổ chức các sự kiện hành hương lớn hàng năm ra sao và xác định các “nút thắt” quan trọng trong mạng lưới như các chức sắc uy tín. Kết quả cuối cùng là một báo cáo đánh giá toàn diện về thực trạng và tiềm năng của vốn xã hội PGHH, xác

định rõ các điểm mạnh cần phát huy và thách thức cần giải quyết, làm cơ sở vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Giai đoạn 2: Tổ chức hóa và nâng cao năng lực cộng đồng

Giai đoạn này tập trung vào việc củng cố và nâng cao chất lượng của chính hoạt động hành hương truyền thống, dựa trên nguồn vốn xã hội đã được xác định ở giai đoạn trước. Đây là bước chuẩn bị nội lực, nâng cao năng lực tự thân của cộng đồng trước khi mở rộng ra bên ngoài.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là chủ trương “tổ chức hóa” không đồng nghĩa với việc thương mại hóa hay làm suy yếu tính thiêng của đạo. Thay vào đó, giai đoạn này theo đuổi một phương thức trung hòa, nhằm tôn trọng các giá trị cốt lõi, đồng thời khắc phục những hạn chế của các chuyến hành hương hoàn toàn tự phát. Theo đó, cộng đồng tín đồ vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc tổ chức, trong khi các doanh nghiệp du lịch (nếu có tham gia) chỉ giữ vai trò hỗ trợ các dịch vụ như lưu trú, vận chuyển, hoặc truyền thông.

Nội dung cụ thể của giai đoạn này bao gồm hai mảng chính:

1. Hệ thống hóa công tác tổ chức: phối hợp chặt chẽ với các chức sắc và ban trị sự để chuẩn hóa một số quy trình trong công tác tổ chức lễ hội. Việc này tập trung vào các vấn đề thực tiễn như quản lý dòng người, đảm bảo vệ sinh môi trường, và nâng cao an toàn thực phẩm tại các bếp ăn từ thiện, nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ và giảm thiểu các tác động tiêu cực.

2. Nâng cao năng lực cho cộng đồng: tổ chức các lớp tập huấn cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là những người trực tiếp cung cấp dịch vụ, về kỹ năng giao tiếp, nghiệp vụ du lịch cơ bản. Mục tiêu là hướng đến các phương pháp phục vụ chuyên nghiệp hơn nhưng vẫn phải giữ được sự chân thành và lòng mến khách vốn có.

Toàn bộ hoạt động trong giai đoạn này phải tuân thủ nguyên tắc cốt lõi là bảo tồn tính chân thực. Bất kỳ chương trình nào được đề xuất cũng cần có sự tư vấn của chức sắc, tín đồ PGHH và không được xâm phạm đến không gian và thời gian linh thiêng của cuộc hành hương, đảm bảo mục tiêu cuối cùng là nâng cao trải nghiệm cho chính những người hành hương và tạo một nền tảng vững chắc cho giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn 3: Thiết lập mạng lưới và xây dựng vốn xã hội vươn ra

Đây là giai đoạn then chốt, bắt đầu quá trình kết nối một cách có kiểm soát giữa cộng đồng nội tại và các yếu tố bên ngoài. Mục tiêu của giai đoạn này là xây dựng các sản phẩm du lịch tâm linh đầu tiên từ nguồn vốn xã hội tôn giáo PGHH, nhằm từng bước mở rộng thị trường từ “người hành hương” truyền thống sang đối tượng “du khách tâm linh”, những người đến không chỉ vì đức tin mà còn để tìm hiểu, học hỏi và trải nghiệm.

Nguyên tắc trong giai đoạn này là mọi hoạt động xây dựng sản phẩm đều phải được tham vấn kỹ lưỡng với chức sắc, tín đồ PGHH và chính quyền địa phương, đặt tính linh thiêng và sự tôn trọng quyền tự do tôn giáo lên hàng đầu. Các sản phẩm thí điểm sẽ tập trung vào trải nghiệm thay vì tham quan, cụ thể như:

- Trải nghiệm giáo lý và lịch sử: các chương trình tìm hiểu về giáo lý PGHH, lịch sử cuộc đời Đức Huỳnh Giáo chủ, nghe và tìm hiểu về sám giảng.

- Trải nghiệm thực hành tôn giáo: du khách có thể được hướng dẫn thực hành niệm Phật, tham gia một buổi lễ, hoặc trải nghiệm chế biến và thưởng thức các món chay đặc sắc của cộng đồng.

- Trải nghiệm văn hóa địa phương: tham quan các làng nghề truyền thống gắn với đời sống tín đồ, tìm hiểu về nền y học cổ truyền, hoặc tham gia vào các hoạt động thiện nguyện của địa phương. Mô hình homestay và trải nghiệm ẩm thực chay tại nhà tín đồ cũng là một hướng đi tiềm năng để du khách có cái nhìn chân thực nhất về đời sống “tu Nhân”.

Quá trình này thật chất là quá trình xây dựng vốn xã hội vươn ra ngoài một cách có chủ đích. Mục tiêu chính là tạo dựng lòng tin giữa cộng đồng PGHH (bên trong) và du khách, các công ty lữ hành (bên ngoài) thông qua hai cơ chế:

1. Thiết lập vai trò “người dẫn dắt văn hóa”: các chức sắc hoặc tín đồ am hiểu, có uy tín sẽ đóng vai trò là cầu nối, giới thiệu và diễn giải các giá trị văn hóa của PGHH cho du khách một cách tôn trọng.

2. Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích: các quy tắc rõ ràng, minh bạch về việc chia sẻ lợi ích kinh tế từ du lịch cho cộng đồng địa phương cần được thiết lập. Điều này không chỉ tạo động lực để cộng đồng tham gia mà còn là nền tảng để xây dựng lòng tin và bảo vệ mô hình phát triển bền vững.

Giai đoạn 4: Xây dựng vốn xã hội liên kết và phát triển bền vững

Giai đoạn cuối cùng của mô hình tập trung vào việc thể chế hóa quy trình phát triển nhằm duy trì sự cân bằng, đảm bảo lợi ích lâu dài và không làm xói mòn nguồn vốn xã hội. Mục tiêu là hướng đến sự phát triển bền vững thực sự, hài hòa cả ba trụ cột: kinh tế, văn hóa - xã hội, và môi trường.

Về bản chất, giai đoạn này chính là xây dựng và củng cố vốn xã hội liên kết. Đây là các kết nối theo chiều dọc với chính quyền và các cơ quan pháp luật nhằm tận dụng chính sách (như Nghị quyết 19/2018/NQ-HĐND của tỉnh An Giang) để đầu tư hạ tầng đạt chuẩn. Vốn xã hội liên kết đóng vai trò là “bệ đỡ” pháp lý, đảm bảo mô hình du lịch tâm linh tại Phú Tân phát triển bền vững.

Để thực hiện điều này, cơ chế quan trọng nhất là thành lập một ban điều phối đa phương, với sự tham gia của tất cả các bên liên quan: chính quyền địa phương, chức sắc

PGHH, doanh nghiệp du lịch, các chuyên gia, cùng đại diện tín đồ và cộng đồng. Ban điều phối này chính là sự thể chế hóa vốn xã hội vươn ra, đảm bảo các quyết định được đưa ra một cách đồng thuận, minh bạch và cân bằng lợi ích.

Ban điều phối sẽ có hai nhiệm vụ trọng tâm:

1. Tối ưu hóa lợi ích và tái đầu tư: mô hình này được kỳ vọng sẽ mang lại giá trị kinh tế trực tiếp cho tín đồ và cộng đồng địa phương thông qua các dịch vụ lưu trú, ăn uống, buôn bán hàng lưu niệm và đặc sản, đồng thời thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Song song đó, hoạt động du lịch cũng giúp củng cố niềm tin của tín đồ và lan tỏa các giá trị đạo đức của PGHH đến với du khách. Để tạo ra một vòng tuần hoàn bền vững, cần thiết lập cơ chế trích một phần doanh thu từ du lịch để tái đầu tư vào việc bảo tồn các di tích, cơ sở thờ tự và hỗ trợ các hoạt động văn hóa của cộng đồng.

2. Giám sát tác động và đối mặt thách thức: song song với những lợi ích, du lịch luôn tiềm ẩn những thách thức, đặc biệt là nguy cơ thương mại hóa làm suy yếu tính thiêng liêng của đạo. Do đó, cần xây dựng một bộ công cụ giám sát và đánh giá tác động định kỳ. Bộ công cụ này phải trả lời được các câu hỏi then chốt: Hoạt động du lịch có ảnh hưởng đến tính thiêng của lễ hội không? Các giá trị cốt lõi có bị mai một không? Môi trường tự nhiên và xã hội có bị tác động tiêu cực không?

Dựa trên kết quả giám sát, Ban điều phối sẽ liên tục điều chỉnh các chính sách và hoạt động du lịch để đảm bảo mô hình phát triển một cách linh hoạt, thích ứng và bền vững trong dài hạn.

Thảo luận

Kết quả nghiên cứu tại huyện Phú Tân cho thấy sự tương đồng của các nghiên cứu về du lịch tâm linh dựa vào cộng đồng. Haq và Medhekar (2019) khi nghiên cứu du lịch tâm linh tại Ấn Độ và Pakistan đã chỉ ra rằng các dòng hành hương quy mô lớn có nền tảng chính là niềm tin tôn giáo trong cộng đồng, chứ không phải nhờ cơ sở hạ tầng hay chính sách của nhà nước. Kết luận này hoàn toàn tương đồng với trường hợp PGHH tại Phú Tân, nơi hàng triệu lượt tín đồ hành hương mỗi năm được tổ chức và duy trì bởi mạng lưới tự quản nội bộ trên nền tảng chuẩn mực “Học Phật, tu Nhân” mà không cần sự điều phối của du lịch chuyên nghiệp. Tuy nhiên, điểm khác biệt quan trọng là trong khi Haq và Medhekar (2019) tiếp cận du lịch tâm linh chủ yếu từ góc độ trải nghiệm của du khách và tiềm năng hòa giải xã hội liên quốc gia, nghiên cứu này đặt trọng tâm vào cộng đồng tôn giáo nội sinh với tư cách là chủ thể tạo ra sản phẩm du lịch.

Halim et al. (2021) đề xuất khung bảy thành tố của du lịch tâm linh bao gồm nguồn lực tâm linh, không gian thiêng, hướng dẫn tâm linh, trải nghiệm biến đổi, cộng đồng

hành hương, tính chân thực và tính bền vững. Nghiên cứu tại Phú Tân cho thấy cộng đồng PGHH đang sở hữu ít nhất năm trong bảy thành tố này ở dạng tiềm năng, đặc biệt là nguồn lực tâm linh, không gian thiêng và cộng đồng hành hương, nhưng còn thiếu hụt ở hai thành tố còn lại là hướng dẫn tâm linh có tổ chức và tính bền vững được thể chế hóa. Kết quả nghiên cứu không mâu thuẫn mà bổ sung và cụ thể hóa khung của Halim et al. (2021) trong một bối cảnh tôn giáo nội sinh có đặc thù riêng.

Smith (1992) phát biểu rằng du lịch và hành hương tạo thành một dải liên tục từ hành hương thuần túy đến du lịch thuần túy. Nghiên cứu tại Phú Tân cung cấp một bằng chứng thực tiễn để kiểm chứng và mở rộng luận điểm này. Cộng đồng PGHH hiện đang tập trung ở cực hành hương thuần túy, và lộ trình bốn giai đoạn được đề xuất thực chất là một chiến lược có kiểm soát để chuyển dần về nơi các giá trị tâm linh và các yếu tố dịch vụ du lịch có thể cùng tồn tại mà không triệt tiêu lẫn nhau.

Bài viết là một trong số ít nghiên cứu áp dụng đồng thời và có hệ thống cả ba chiều kích bonding-bridging-linking của Woolcock (1998, 2001) vào phân tích một tôn giáo nội sinh của Việt Nam. Việc đưa vốn xã hội liên kết vào phân tích là cơ sở để giải thích tại sao một cộng đồng có vốn cơ cụm mạnh như PGHH vẫn chưa thể tự chuyển hóa thành mô hình du lịch tâm linh có tổ chức. Trong khi phần lớn tài liệu quốc tế về du lịch tâm linh tiếp cận từ phía động cơ, trải nghiệm và hành vi của du khách, bài viết tiếp cận từ phía cộng đồng tôn giáo những người xây dựng nên các sản phẩm du lịch. Lộ trình bốn giai đoạn được đề xuất trong nghiên cứu này có tính ứng dụng chính sách cao hơn so với các khung lý thuyết trừu tượng, từ đó cung cấp cơ sở dữ liệu cho các chính sách cụ thể tại địa phương.

Tuy nhiên, nghiên cứu này cần được đặt trong những giới hạn rõ ràng. Việc tập trung vào một trường hợp tại Phú Tân vẫn đặt ra giới hạn về khả năng suy rộng phân tích sang các cộng đồng tôn giáo nội sinh khác có cấu trúc vốn xã hội khác biệt. Ngoài ra, nghiên cứu mới dừng lại ở việc xây dựng khung mô hình lý thuyết và chưa đánh giá được hiệu quả thực tiễn của lộ trình bốn giai đoạn sau khi triển khai. Các hướng nghiên cứu tiếp theo cần thiết gồm nghiên cứu so sánh đa trường hợp để kiểm chứng tính chuyển giao của khung phân tích; nghiên cứu thực nghiệm đánh giá tác động kinh tế - xã hội cụ thể sau khi mô hình được vận hành tại các giai đoạn cụ thể; và nghiên cứu định lượng bổ sung để đo lường mức độ hài lòng của cộng đồng và du khách, cung cấp cơ sở thực chứng cho việc điều chỉnh lộ trình trong dài hạn.

Kết luận

PGHH không chỉ là một tôn giáo nội sinh mang đậm bản sắc Nam Bộ, mà còn là một hệ thống vốn xã hội tôn giáo năng động, đóng vai trò quyết định sự hình thành của du lịch tâm linh tại huyện Phú Tân. Thông qua việc phân tích các nguồn lực, bài viết nhận diện một

mạng lưới xã hội dày đặc cùng hệ thống chuẩn mực đạo đức đã tạo nên nguồn vốn co cụm mạnh mẽ. Đây chính là động lực cốt lõi giúp cộng đồng tín đồ duy trì tính gắn kết và sự đồng thuận cao trong các hoạt động hành hương truyền thống tại Tổ đình và An Hòa Tự.

Lộ trình 4 giai đoạn được đề xuất trong bài viết chính là quá trình chuyển hóa từ việc củng cố nội lực đến việc kích hoạt vốn xã hội vươn ra để kết nối với thị trường, và tận dụng vốn xã hội liên kết để tranh thủ các đòn bẩy chính sách từ chính quyền. Việc hình thành du lịch tâm linh tại Phú Tân thực chất là một chiến lược “vốn hóa” các giá trị niềm tin, chuyển dịch từ trạng thái hành hương tự phát sang một ngành kinh tế di sản có tổ chức và bền vững.

Mô hình này nhấn mạnh sự phát triển du lịch tại Phú Tân phải được đặt trong một khuôn khổ hài hòa, đảm bảo tính nguyên vẹn của không gian thiêng và sự thụ hưởng lợi ích của cộng đồng địa phương. Mặc dù nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc xây dựng khung mô hình lý thuyết và chưa đi sâu vào các tiên liệu định lượng dài hạn, nhưng kết quả này đã cung cấp những luận cứ khoa học quan trọng cho việc hoạch định chính sách tại địa phương. Việc khai thác hiệu quả vốn xã hội tôn giáo PGHH không chỉ giúp Phú Tân xây dựng sản phẩm du lịch tâm linh, mà còn khẳng định vai trò tích cực của nguồn lực tôn giáo trong việc thúc đẩy sinh kế, nâng cao năng lực cộng đồng và bảo tồn di sản văn hóa trong bối cảnh phát triển đương đại. Đây cũng là lời giải cho bài toán hài hòa giữa bảo tồn tính thiêng và phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo

Bourdieu, P. (1986). Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education. In *The Forms of Capital* (pp. 241–258). Greenwood Press.

Hà N. (2026, January 4). Mô hình “02 An” góp phần bảo đảm quyền tự do tôn giáo tại Phú Tân. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/mo-hinh-02-an-gop-phan-bao-dam-quyen-tu-do-ton-giao-tai-phu-tan-post934882.html>

Halim, M. S. A., Tatoglu, E., & Hanefar, S. B. M. (2021). A Review of Spiritual Tourism: A Conceptual Model for Future Research. *Tourism and Hospitality Management*, 27(1), 119–141. <https://doi.org/10.20867/thm.27.1.8>

Hanifan, L. J. (1916). The Rural School Community Center. *Annals of the American Academy of Political and Social Science*, 67, 130–138. <https://doi.org/10.1177/000271621606700118>

Haq, F., & Medhekar, A. (2019). Is Spiritual Tourism a Peace Vehicle for Social Transformation and Economic Prosperity in India and Pakistan? [Pennsylvania]. In *Marketing Peace for Social Transformation and Global Prosperity* (pp. 189–211). IGI Global Scientific Publishing. (is-spiritual-tourism-a-peace-vehicle-for-social-transformation-and-economic-prosperity-in-india-and-pakistan). <https://doi.org/10.4018/978-1-5225-7464-4.ch010>

Heintzman, P. (2013). Retreat tourism as a form of transformational tourism. In *Transformational Tourism: Tourist Perspectives* (pp. 68–81). CABI International. <https://doi.org/10.1079/9781780642093.0068>

Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang. (2018, July 19). *Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang: Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch tỉnh An Giang*. <http://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=194616>

Irwin, J., Lagory, M., Ritchey, F., & Fitzpatrick, K. (2008). Social assets and mental distress among the homeless: Exploring the roles of social support and other forms of social capital on depression. *Social Science & Medicine*, 67(12), 1935–1943. <https://doi.org/10.1016/j.socscimed.2008.09.008>

Jacobs, J. (1992). *The Death and Life of Great American Cities*. Vintage. (Original work published 1961, Random House)

Mỹ, H. (2025). *Khơi dậy tiềm năng du lịch huyện cù lao Phú Tân – Báo An Giang Online*. An Giang Online. <https://baoangiang.com.vn/khoi-day-tiem-nang-du-lich-huyen-cu-lao-phu-tan-a416623.html>

Nguyễn N. V. (2022). Một số đặc điểm của Phật giáo Hòa Hảo ở An Giang. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn Giáo (nay là Tạp chí Dân tộc học và Tôn giáo học)*, 221(5), 76–87.

Putnam, R. D. (2000). *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community* (p. 541). Touchstone Books/Simon & Schuster. <https://doi.org/10.1145/358916.361990>

Putnam, R. D., Leonardi, R., & Nanetti, R. Y. (1994). *Making Democracy Work: Civic Traditions in Modern Italy*. Princeton University Press.

Smith, V. L. (1992). Introduction: The quest in guest. *Annals of Tourism Research*, 19(1), 1–17. [https://doi.org/10.1016/0160-7383\(92\)90103-V](https://doi.org/10.1016/0160-7383(92)90103-V)

Stark, R., & Finke, R. (with Internet Archive). (2000). *Acts of Faith: Explaining the Human Side of Religion*. Berkeley: University of California Press. <http://archive.org/details/actsoffaithexpla0000star>

Tiến, L. (2022). *Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo tỉnh An Giang Sơ kết hoạt động giữa nhiệm kỳ (2019-2024)*. Ban Trị sự trung ương PGHH. <http://phatgiaohoahao.org.vn/news/home.aspx?ID=2466&CatID=63>

UNWTO. (2014). *First UNWTO International Congress on Tourism and Pilgrimages explores the link between tourism and spiritual routes*. Viet Nam National Authority of Tourism. <https://vietnamtourism.gov.vn/en/post/7789>

Woolcock, M. (1998). Social capital and economic development: Toward a theoretical synthesis and policy framework. *Theory and Society*, 27(2), 151–208. <https://doi.org/10.1023/A:1006884930135>

Woolcock, M. (2001). The Place of Social Capital in Understanding Social and Economic Outcomes. *ISUMA: Canadian Journal of Policy Research*, 2(1), 11–17.